

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -10-2019

*"V/v Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Minh Thiết**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông : **Huỳnh Hồng**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày **22** tháng **10** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 về *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** **Chị Võ T**- sinh năm 1983 (có mặt)

**\* Bị đơn:** Anh **Lâm H**- sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P xã H huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 24-6-2019, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Võ T trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lâm H do tự quen biết được hai bên gia đình chấp nhận rồi đi đến hôn nhân; chị và anh có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/2/2007.

Sau ngày cưới chị và anh H sống chung với gia đình cha mẹ chồng của chị tại ấp P xã H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc vài năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp nhau, anh H ăn chơi, đánh bài, đá gà, số đề, không lo phụ giúp gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh, nhưng anh không thay đổi, nên chị đã ly thân từ đầu tháng 6 năm 2019 đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Hữu Nghĩa.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lâm Võ Hữu N, sinh ngày 05-12-2007. Hiện nay, cháu do chị T quản lý và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản khai ý kiến ngày 24/7/2019 anh Lâm H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị T về quá trình chung sống cũng như mối quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung. Sau ngày cưới anh H và chị T cùng sống tại ấp P xã H, sống hạnh phúc đến cuối tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh H thì nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, anh thừa nhận anh có mê chơi lơ là công việc để chị T giận và bỏ về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị T xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị T

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lâm Võ Hữu N, sinh ngày 05/12/2007 Hiện nay, cháu đang sống với chị T. Nếu phải ly hôn anh H tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi dưỡng, người không nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên tòa trực tiếp cho anh H nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lâm H vẫn vắng mặt. Nhận thấy việc vắng mặt anh H không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Lâm H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] 1] Về tố tụng dân sự: Chị Võ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lâm H. Theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Ngoài ra, bị đơn anh Lâm H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lâm H là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa Chị Võ Tươi anh Lâm H là do quen biết trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh H không có tiếng nói chung, anh Nghĩa mê chơi không lo phụ giúp công việc gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã và chị T đã bỏ về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2019 đến nay. Anh H có yêu cầu đoàn tụ do còn thương vợ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ và chị T cũng không đồng ý đoàn tụ mà kiên quyết xin ly hôn với anh H. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Võ T và anh Lâm H có 01 con chung tên Lâm Võ Hữu N, sinh ngày: 05/12/2007, Hiện nay cháu N đang sống với chị T, Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng nuôi con, anh Lâm H tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì sống, anh Nghĩa không có yêu cầu nuôi con và cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét thấy giao cháu Nghĩa cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Lâm H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lâm H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[2.4] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm về ly hôn.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:**

1/Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Tđược ly hôn với anh Lâm Hữu Nghĩa

2/ Về con chung: Giao cháu Lâm Võ Hữu N sinh ngày 05/12/2007 cho chị Võ Tđược tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Võ Hữu N

Anh Lâm H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Chị T và anh H thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

4/ Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh Nghĩa thống nhất không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm về việc xin ly hôn số tiền là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0009962 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKS huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã H
- Các đương sự;
- Lưu.

**Trương Minh Thiết**